

Bản án số: **62/2017/HSPT**
Ngày: 28 – 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Bá Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại T sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2017/HSPT ngày 27/10/2017 đối với bị cáo **Nguyễn Tiến L** và đồng phạm về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ và Đánh bạc”. Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tiến L** - sinh năm 1966 tại Thái Bình. Nơi ĐKKHKT: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Tiến C (đã chết); Con bà: Đỗ Thị T (đã chết); Có vợ là: Đặng Thị Thu V (sinh năm 1981) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Nhân thân: Tại bản án số 01 ngày 01/3/2011 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Nguyễn Tiến L 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2016 đến ngày 16/3/2017. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Vũ Xuân T** - sinh năm 1977 tại Nam Định. Nơi ĐKHKTT: thôn T2 Hợp, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Vũ Xuân V (sinh năm 1954); Con bà: Phạm Thị Q (sinh năm 1958); Có vợ là: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền sự: Không; Tiền án, có 02 tiền án: Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 28 ngày 10/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Vũ Xuân T 05 tháng tù về tội Đánh bạc; Tại bản án Hình sự phúc thẩm số 128 ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Vũ Xuân T 02 năm 06 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án, đến ngày 11/8/2015 được trả tự do.

Nhân thân: Tại bản án Hình sự phúc thẩm số 95 ngày 25/5/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Vũ Xuân T 15 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản (đã chấp hành xong bản án).

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/07/2016 đến ngày 24/01/2017. Hiện được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. Họ và tên: **Đỗ Văn N** (Tên gọi khác: N); sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hoá. Nơi ĐKHKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở trước khi phạm tội: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Đỗ Văn K (đã chết); Con bà: Trần Thị B (sinh năm 1933) Có vợ là: Triệu Thị L, sinh năm 1983 (đã li hôn) và 01 con nhỏ sinh năm 2006. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/07/2016 đến ngày 27/3/2017. Hiện đang tại ngoại. Vắng mặt

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** - sinh năm 1975 tại Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT và ở tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Văn P (đã chết); Con bà: Giáp Thị T (sinh năm 1936). Có vợ là: Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2014. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/07/2016 đến ngày 24/01/2017. Hiện được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Họ và tên: **Nguyễn Hữu D** - sinh năm 1982 tại Hà Tĩnh. Nơi ĐKHKTT: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Hữu H (đã chết); Con bà: Trần Thị Anh Đ (sinh năm 1956). Có vợ là: Lê Thị Hà H, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2011.

Nhân thân: Ngày 28/6/2007, bị Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 580.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2016 đến ngày 25/8/2016. Hiện đang tại ngoại. Có mặt

6. Họ và tên: **Mai Nhữ Đ** - sinh năm 1976 tại Thanh Hoá. Nơi ĐKHKTT: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Mai Nhữ C (đã chết); Con bà: Mai Thị S (sinh năm 1956). Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017 được gia đình bảo lãnh cho đến nay. Vắng mặt

7. Họ và tên: **Trần Huy T2** - sinh năm 1975 tại Hà Nam. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Trần Huy V (sinh năm 1949) và bà: Trương Thị H (đã chết). Có vợ là: Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

8. Họ và tên: **Trần Mỹ T3** - sinh năm 1976 tại Hà Nam. Nơi ĐKHKTT: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Trần Mỹ K (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị C (sinh năm 1932). Có vợ là: Vũ Thị Kiều H (đã ly hôn) và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Nhân thân: Ngày 08/01/1999, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 84/HS-ST. Ngày 12/01/2000, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 33 tháng tù về tội cố ý gây thương tích tại bản án số 06/HS-PT. Ngày 28/12/2015, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E khởi tố về tội Cố ý gây th tích, đến ngày 24/5/2016 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E ra quyết định đình chỉ điều tra do người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

9. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T4** - sinh năm 1983 tại Đắk Lắk. Nơi ĐKHKTT: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Văn T (sinh năm 1947); Con bà: Nguyễn Thị C (sinh năm 1952). Có vợ là: Chử Thị Huyền N, sinh năm 1981 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Nhân thân: Ngày 25/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc” tại bản án số 202/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/07/2016 đến ngày 25/8/2016. Hiện đang tại ngoại. Có mặt

10. Họ và tên: **Trần Ngọc H** - sinh năm 1970 tại Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKKHKT: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Trần Đình Đ (sinh năm 1942); Con bà: Nguyễn Thị G (sinh năm 1942). Có vợ là: Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1984 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2004. Bị cáo tại ngoại. Có mặt

11. Họ và tên: **Đoàn T5** - sinh năm 1965 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKKHKT: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Đoàn P (sinh năm 1930); Con bà: Lê Thị Đ (sinh năm 1929). Có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Huy T2: Ông Vi Mạnh H – Luật sư, Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ:

Ngày 20/7/2016, ông D Hữu D (sinh năm 1960, trú tại phường C, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tự thú và trình báo cách đây khoảng 04 năm ông D quen biết Nguyễn Tiến L. Từ khi quen biết nhau, biết ông D làm nghề chạy xe ôm, L đã nhiều lần thuê ông D đi giao hàng cho khách hàng của L. Trong các lần đi giao hàng, Dững biết được các vật dụng mang đi giao là chén, đĩa có gắn con chip, bài tây dùng để chơi cờ bạc, các dụng cụ này có chất cảm ứng, con chip. Mỗi lần L thuê ông D đi giao hàng cho Khách thì L trả cho ông D số tiền tùy theo đoạn đường thấp nhất là 50.000đồng, cao nhất là 300.000đồng. Sau nhiều lần đi giao các đồ vật trên cho khách hàng theo như L yêu cầu, ông D phát hiện trong các dụng cụ dùng để chơi cờ bạc mà L thuê mình đi giao có chứa các chất mà pháp luật cấm, nên ngày 20/7/2016, khi L nói ông D mang 03 lá bài tây được bọc trong lá chì đi giao cho khách hàng, Dững đã đến Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk trình báo và giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra xử lý.

Sau khi tiếp nhận 03 lá bài, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp với Sở khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk dùng các thiết bị kiểm tra phát hiện trong 03 lá bài có chứa chất phóng xạ.

Ngày 20/7/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Tiến L về hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ. Quá trình điều tra xác định từ năm 2013, Nguyễn Tiến L thấy việc mua bán các thiết bị, dụng cụ, chất phóng xạ phục vụ cho việc chơi cờ bạc có nhiều người hỏi mua, mặc dù biết việc sử dụng chất phóng xạ để làm bài bạc gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường xung quanh, nhưng do lợi nhuận trước mắt L đã vào các trang mạng xã hội làm quen với một người tên T6 ở Thành phố Hà Nội và một người tên H ở tỉnh Bắc Giang và gọi điện thoại liên hệ, móc nối với đối tượng tên T6 mua các loại thiết bị, dụng cụ, bài tây và đối tượng tên H mua chất phóng xạ (chưa rõ nhân thêm lai lịch của T6 và H) để chế tạo ra nhiều thiết bị đánh bạc khác nhau trong đó có như một bộ dụng cụ để chơi bài bạc gồm có lá bài có chất phóng xạ, chén, đĩa, ống nhận biết cảm ứng, máy nhận biết cảm ứng để bán lại cho các đối tượng là các con bạc dùng để chơi bài bạc nhằm thu lợi bất chính. Nguyễn Tiến L thỏa thuận việc mua bán thiết bị đánh bạc bịp và chất phóng xạ với T6, H bằng hình thức gọi điện thoại di động (sim rác) trao đổi việc mua bán giá cả cụ thể thì T3, H gửi các dụng cụ, chất phóng xạ bằng đường chuyển theo xe khách, chất phóng xạ được giấu trong hộp cao sao vàng để trong túi trà khô, sau đó L chuyển tiền cho T6, H. Khi có người đặt mua lá bài có chứa chất phóng xạ cùng các dụng cụ kèm theo dùng để chơi bài bạc bịp, L đã thuê ông D Hữu D đi giao cho những người đặt mua nhưng không nói cho ông D biết lá bài có chứa chất phóng xạ. Mỗi lá bài có chứa chất phóng xạ và bộ dụng cụ kèm theo L bán với giá 2.500.000 đồng; mỗi bộ dụng cụ chén, đĩa có gắn con chip L bán với giá 3.200.000 đồng. Trong thời gian từ năm 2013 đến ngày bị bắt (20/7/2016), bị can L đã thu lợi bất chính từ việc bán các bộ dụng cụ chén, đĩa có gắn con chip và bán các lá bài có chứa chất phóng xạ được 70.000.000 đồng, trong đó tiền bán lá bài có chứa chất phóng xạ là 40.000.000 đồng, tiền bán bộ dụng cụ chén, đĩa có gắn con chip 30.000.000 đồng.

Đối với những người mua lá bài có chứa chất phóng xạ và chén, đĩa có gắn con chip, bài tây dùng để chơi cờ bạc bịp của L, do L không biết địa chỉ nên không xác định được những người đã mua của mình là ai, ở đâu và sử dụng các thiết bị đánh bạc bịp, trong đó có thiết bị có chứa chất phóng xạ, sử dụng vào mục đích đánh bạc ở đâu, cụ thể như thế nào.

Qua các đồ vật, tài liệu tạm giữ, phát hiện trong 03 lá bài tây, 04 con vị, 04 hộp cao sao vàng, 01 cuộn lá chì, 01 tấm lá chì nghi có chất phóng xạ. Ngày 21/7/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số

215/QĐ-PC45 trưng cầu Viện nghiên cứu hạt nhân – Bộ Khoa học và công nghệ tại tỉnh L Đồng giám định 06 lá bài tây (trong đó có 03 lá bài tây ký hiệu 4 bích, 5 bích và 5 rô do ông D Hữu D giao nộp), 04 con vị, 04 hộp cao sao vàng, 01 cuộn lá chì, 01 tấm lá chì. Theo kết quả giám định số 198/VNCHN ngày 22/7/2016 của Viện nghiên cứu hạt nhân kết luận:

- Trong 06 lá bài tây thì có 04 lá gồm Q cơ, 4 rô, 5 rô, 6 rô có suất liều bức xạ gamma đo tại bề mặt nằm trong dải từ $1,7 \div 700 \mu\text{Sv/h}$.

- + Hoạt độ phóng xạ của 04 lá bài nằm trong dải từ $0,3 \div 819 (\mu\text{Ci})$.

- Trong 04 con vị làm bằng lá bài tây đều có chứa chất phóng xạ.

- + Suất liều bức xạ gamma đo tại bề mặt của mỗi con vị nằm trong dải từ $0,3 \mu\text{Sv/h} \div 6,2 \mu\text{Sv/h}$.

- + Hoạt độ phóng xạ của các con vị nằm trong dải từ $1,68 \div 1,97 (\mu\text{Ci})$.

- Trong 04 hộp cao sao vàng đều có chứa chất phóng xạ.

- + Suất liều bức xạ gamma đo tại bề mặt của các hộp cao nằm trong dải từ $180 \mu\text{Sv/h} \div 1250 \mu\text{Sv/h}$.

- + Hoạt độ phóng xạ của 04 hộp cao nằm trong dải từ $87,5 \div 439 (\mu\text{Ci})$.

- 01 cuộn lá chì và 01 tấm lá chì không chứa chất phóng xạ.

Theo Công văn số 427/SKHCHN-CNg ngày 27/7/2016 của Sở khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk thì đối với 12 mẫu (04 lá bài tây, 04 con vị, 04 hộp cao sao vàng) nêu trên thì suất liều bức xạ khi tiếp xúc trực tiếp với bề mặt có 1/12 mẫu vật trong giới hạn cho phép; 11/12 mẫu vật vượt quá giới hạn cho phép, mức vượt thấp nhất gấp 11 lần, cao nhất gấp 14.780 lần. Suất liều bức xạ cách mẫu giám định 0,5m thì có 05/12 mẫu trong giới hạn cho phép; 07/12 mẫu vượt quá giới hạn cho phép, mức vượt thấp nhất gấp 03 lần, cao nhất 28 lần.

2. Hành vi Đánh bạc:

- Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 9/2015, Đỗ Văn N đến quán cà phê của Trần Huy T2 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum uống nước, tại đây N làm quen với T2 và nói với T2 tìm người có tiền, tài sản, thích chơi bài thì nói cho N đến sắp xếp đánh bạc lấy tiền. Sau khi nghe N nói vậy thì T2 rủ Mai Nhữ Đ cùng tham gia, Đ đồng ý, sau đó T2 và Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T1 tìm người để đánh bạc. Sau đó T2 điện thoại báo cho Đ biết là đã tìm được ông Đoàn T5 là người gần nhà T2, có xe ô tô thích đánh bạc và nói T2, Đ lên Đắk Lắk. Ngày 14/9/2015, N, T2, Đ và C (bạn của N chưa xác định nhân thân lai lịch) thuê xe ô tô 05 chỗ đến xã Ea T2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk gặp T2. Ngày 15/9/2015, T2 gọi điện thoại cho ông T5 thuê xe ô tô của ông T5 đi huyện L; còn T2, N, C đi đến huyện L trước. Được T2 thuê xe thì ông T5 đồng ý và gọi Nguyễn Văn Tiếp điều khiển xe

ô tô Innova biển số 47A-125.86 của mình chở T5, Đ và T2 đến thị trấn D, huyện L vào một quán cà phê gặp T2 và Trần Mỹ T3, rồi cùng đến quán gần điện lực huyện L nhậu, đến khoảng 12h30' thì nghỉ, sau đó rủ nhau tìm chỗ đánh bài lấy tiền hát karaoke; Sau đó T3 dẫn tất cả về nhà anh T6 (anh ruột T3) ở Tổ dân phố 8, thị trấn D, huyện L đánh bạc, khi đến nhà anh T6 thì N, T2, T2, Đ, T5, 02 cô gái lên trên lầu một vào phòng ngủ ngồi chơi đánh bài xì lát được thua bằng tiền, còn C, T3 thì không chơi. Tại đây T5 thua hết tiền nên T3 đã gọi người đến cầm xe ô tô cho T5, T3 liền gọi cho Lê Công M là chủ tiệm cầm đồ "M" tại thị trấn D, huyện L đến nhà anh T6. Khi M đến thì T2, N, ông T5 nghỉ không đánh bạc nữa nên M không biết việc T5 cầm xe để lấy tiền đánh bạc, sau khi M đến xem giấy tờ và xe ô tô thì M đồng ý cầm với giá 250.000.000 đồng. Có được số tiền trên T5 lấy 200 triệu trả cho N, số tiền còn lại T5, T2, N tiếp tục đến nhà nghỉ D tại thị trấn D thuê phòng đánh bạc tiếp, khi chơi T5 thua hết số tiền đã cầm xe ô tô và mượn tiền chơi tiếp; đến khoảng 20 giờ cùng ngày tất cả không chơi nữa và N đã yêu cầu T5 viết một giấy vay tiền của N là 200 triệu đồng (N lấy tên người cho vay là H). Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2015, T2, N, Đ, T2, C và một cô gái (bạn của N) uống cà phê trong khuôn viên nhà nghỉ P, tại đây N lấy số tiền thắng bạc của ông T5 chia cho T2, T2, Đ mỗi người 20 triệu đồng, T3 10 triệu đồng, sau đó T3 gọi M đến và được N cho 05 triệu đồng, số tiền còn lại là 175 triệu N nói là phần của N và tiền dùng để mua thuốc kích thích đánh bạc.

- Vụ thứ hai: Năm 2015, Nguyễn Tiến L và Đỗ Văn N quen biết nhau, trong thời gian quen biết, N nói với L khi có con bạc có tiền, có xe ô tô chính chủ thì gọi cho N. Sau khi nghe N nói vậy, L đã nói cho Vũ Xuân T tìm người để đánh bạc. Ngày 07/12/2015, T điện thoại cho L thông báo tìm được một người có tiền, có xe ô tô chính chủ là Trần Ngọc H, sau đó T bàn bạc với Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu D liên hệ với Trần Ngọc H thuê xe ô tô Innova, biển số 47A-091.46 của H chở T2 và D lên Thành phố B. Khoảng 1 giờ ngày 08/12/2015 D, T2 dẫn ông H đến nhà L tại số 63/6/6 Nơ Trang Gưh, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây L đã mua mồi về cùng D, T2, H uống rượu, sau đó L gọi điện thoại cho N đến tham gia uống rượu (N giới thiệu tên là Nam). Đến khoảng 13 giờ thì nhậu xong, T2 rủ mọi người chơi bài kiểm tiền đi hát karaoke, mọi người đồng ý chơi và dẫn nhau lên tầng một, ngồi trên tám phản gỗ tại phòng thờ nhà L chơi đánh bạc với hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, lúc đánh bạc thì chỉ có T2, N và H, mỗi ván đặt thấp nhất là 1.000.000 đồng, cao nhất là 10.000.000 đồng. Trong lúc chơi H không có tiền thì N lấy tiền cho H vay. Khi số tiền mà N cho H vay lên đến 150 triệu đồng thì N không cho H vay nữa mà nói muốn chơi nữa thì cầm xe ô tô, H đồng ý cầm xe rồi nhờ L tìm người đến cầm xe ô tô cho H. L liền gọi điện cho Nguyễn Hữu T4 là chủ tiệm cầm đồ Nguyễn Khang tại số 217/B6 Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến nhà L cầm đồ. Khi đến T4 thấy T2, N và H đang đánh bạc, được H yêu cầu cầm cổ xe, T4 đồng ý cầm với giá 300 triệu đồng và viết hợp đồng cầm đồ và đưa 300 triệu đồng cho H. Sau đó. Có được số tiền 300 triệu

đồng, H trả cho N 150 triệu đồng và tiếp tục chơi đánh xóc đĩa với T2, N. Khi chơi hết số tiền 150 triệu đồng, H nói T4 cầm thêm 50 triệu đồng nữa, nhưng do T4 không mang theo tiền thì L đã lấy 50 triệu đồng từ N cho T4 mượn để cầm xe cho ông H. Có thêm được 50 triệu đồng, H tiếp tục chơi và cũng thua hết. H tiếp tục vay tiền của N chơi nhưng cũng thua hết, số tiền mà H vay của N theo giấy vay tiền ngày 08/12/2015 mà H ký tên và điểm chỉ là 1,1 tỷ đồng. Khoảng 16 giờ thì kết thúc chơi đánh bạc và rủ nhau đi hát karaoke, lúc này T điện thoại hỏi T2 xem tình hình thế nào thì được T2 cho biết đã đánh bạc ăn được tiền của H. Khoảng 18 giờ cùng ngày T4 điện thoại nói xe đã cầm có thể không bán được giá đề nghị L mang tiền lên trả cho T4, L cầm 300 triệu giao cho T4. Ngày 10/12/2015, gia đình ông H đến chuộc xe và trả cho T4 350 triệu đồng cùng với 1.400.000 đồng tiền lãi, tối cùng ngày T4 gọi điện cho L đến lấy tiền và L nhận 285 triệu, còn lại T4 65 triệu. Sau khi nhận tiền từ T4, L gọi điện hẹn gặp D, N đến quán cà phê DuBai tại ngã tư P - T, Tp. B, tại đây L giao hết tiền cho N, N lấy tiền và chia cho D, T2, T mỗi người 40 triệu đồng, chia cho L 50 triệu.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Đoàn T5 và Trần Ngọc H khai báo đã bị các bị cáo trong vụ án cho uống thuốc kích thích, dẫn đến các bị cáo không làm chủ được bản thân mới có hành vi đánh bạc và thua tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho bị cáo T5 và H đối chất với các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo trong vụ án không thừa nhận việc bỏ thuốc vào nước uống của bị cáo T5 và H, trong khi đánh bạc bị cáo T5 và H vẫn tỉnh táo, nhận biết được thắng thua bạc, nhận biết được việc cầm xe ô tô để lấy tiền trả nợ và đánh bạc do vậy không có căn cứ để chấp nhận lời khai này.

Ngày 22/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định số 258 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ viết, chữ ký của bị cáo Đỗ Văn N và chữ viết “H” trong giấy vay tiền (giấy của ông Đoàn T5 vay của N) có phải do một người viết ra hay không. Ngày 06/10/2016, Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh Đắk Lắk có công văn số 588/PC54 kết luận chữ viết mang tên “H” so với chữ viết mang tên Đỗ Văn N là do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ”. Các bị cáo Nguyễn Tiến L, Đỗ Văn N, Vũ Xuân T, Trần H T2, Mai Nhữ Đ, Nguyễn Văn T1, Trần Mỹ T3, Đoàn T5, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T4, Trần Ngọc H phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2016 đến ngày 24/01/2017.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2016 đến ngày 16/3/2017.

1.3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 28/7/2016 đến ngày 24/01/2017.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm X khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2016 đến ngày 25/8/2017.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Mỹ T3 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 09/3/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Mai Nhữ Đ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Huy T2 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đoàn T5 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm X khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T4 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/7/2016 đến ngày 25/8/2016.

1.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 236; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 20/7/2016 đến ngày 16/3/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu D, Mai Như Đ, Trần Huy T2, Nguyễn Hữu T4, Trần Ngọc H, Đoàn T5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; các bị cáo Vũ Xuân T, Đỗ Văn N, Trần Mỹ T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại kháng nghị số 42/QĐ-HS-VC2 ngày 27/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị hủy phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Văn N, Trần Huy T2 và Nguyễn Tiến L để điều tra bổ sung thêm về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điều 249 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Văn N và Mai Như Đ có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét đơn xin hoãn phiên tòa của 02 bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N và Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, xét đơn xin hoãn phiên tòa của 02 bị cáo đều nêu lý do là do lo

ngại về vấn đề sức khỏe không đảm bảo tham gia phiên tòa được, nhưng các bị cáo không cung cấp bệnh án để chứng minh các bị cáo đang bị bệnh làm ảnh hưởng đến sức khỏe mà không thể tham gia phiên tòa được. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quyết định xét xử vắng mặt 02 bị cáo theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trong phần phát điểm quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa đã rút toàn bộ kháng nghị số 42/QĐ-HS-V2 ngày 27/10/2017, Hội đồng xét xử căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hưởng án treo của bị cáo Trần Ngọc H và Đoàn T5; chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu D giảm hình phạt cho các bị cáo; không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Mai Nhữ Đ, Đỗ Văn N, Vũ Xuân T, Trần Mỹ T3 và Trần Huy T2.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa cho bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 20/7/2016, ông D Hữu D (sinh năm 1960, trú tại 308/1 Trần Phú, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tự thú và trình báo cách đây khoảng 04 năm ông D quen biết Nguyễn Tiến L. Biết ông D làm nghề chạy xe ôm, L đã nhiều lần thuê ông D đi giao hàng cho khách hàng của L. Trong các lần đi giao hàng, Dững biết được các vật dụng mang đi giao là chén, đĩa có gắn con chip, bài tây dùng để chơi cò bạc, các dụng cụ này có chất cảm ứng, con chip. Mỗi lần L thuê ông D đi giao hàng cho Khách thì L trả cho ông D số tiền tùy theo đoạn đường thấp nhất là 50.000đồng, cao nhất là 300.000đồng. Sau nhiều lần đi giao các đồ vật trên cho khách hàng theo như L yêu cầu, ông D phát hiện trong các dụng cụ dùng để chơi cò bạc mà L thuê mình đi giao có chứa các chất mà pháp luật cấm, nên ngày 20/7/2016, khi L nói ông D mang 03 lá bài tây được bọc trong lá chì đi giao cho khách hàng, ông D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk trình báo và giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra xử lý.

[1.1]. Quá trình điều tra xác định từ năm 2013, Nguyễn Tiến L thấy việc mua bán các thiết bị, dụng cụ, chất phóng xạ phục vụ cho việc chơi cò bạc có nhiều người hỏi mua, mặc dù biết việc sử dụng chất phóng xạ để làm bài bạc gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường xung quanh, nhưng do lợi nhuận trước mắt L đã vào các trang mạng xã hội làm quen với một người tên T6 ở Thành phố Hà Nội và một người tên H ở tỉnh Bắc Giang và gọi điện thoại

liên hệ, móc nối với đối tượng tên T6 mua các loại thiết bị, dụng cụ, bài tây và đối tượng tên H mua chất phóng xạ (chưa rõ nhân thân lai lịch của T6 và H) để chế tạo ra nhiều thiết bị đánh bạc khác nhau trong đó có như một bộ dụng cụ để chơi bài bạc gồm có lá bài có chất phóng xạ, chén, đĩa, ống nhận biết cảm ứng, máy nhận biết cảm ứng để bán lại cho các đối tượng là các con bạc dùng để chơi bài bạc nhằm thu lợi bất chính.

Qua kết quả giám định các đồ vật, tài liệu tạm giữ, phát hiện trong 03 lá bài tây, 04 con vị, 04 hộp cao sao vàng, 01 cuộn lá chì, 01 tấm lá chì nghi có chất phóng xạ nêu trên đã thể hiện:

Suất liều bức xạ khi tiếp xúc trực tiếp với bề mặt có 1/12 mẫu vật trong giới hạn cho phép; 11/12 mẫu vật vượt quá giới hạn cho phép, mức vượt thấp nhất gấp 11 lần, cao nhất gấp 14.780 lần. Suất liều bức xạ cách mẫu giám định 0,5m thì có 05/12 mẫu trong giới hạn cho phép; 07/12 mẫu vượt quá giới hạn cho phép, mức vượt thấp nhất gấp 03 lần, cao nhất 28 lần.

[1.2] Với hành vi trên, bị cáo Nguyễn Tiến L bị Tòa án sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ mua bán trái phép chất phóng xạ” là có căn cứ. Xét đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội danh nêu trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi tội phạm và xét xử bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cho bị cáo, do vậy đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội “Tàng trữ mua bán trái phép chất phóng xạ” là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét hành vi của 07 bị cáo là Nguyễn Tiến L, Đỗ Văn N, Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T1 và các bị cáo Nguyễn Hữu D, Vũ Xuân T, Nguyễn Hữu T4. Các bị cáo này bị tòa cấp sơ thẩm xét xử về tội “đánh bạc” liên quan đến số tiền 350.000.000 đồng mà bị cáo H đã cầm cố xe cho T4 đánh bài sau đó bị thua hết. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Nguyễn Tiến L và Đỗ Văn N đã bàn bạc với nhau tìm người có tiền, có xe để rủ đánh bài, sau khi nghe N nói, L đã nói với Vũ Xuân T tìm người đánh bạc và T đã tìm được Trần Ngọc H sau đó T đã liên hệ với Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu D để cùng thuê xe của H biển số 47A-09146 để chở cả bọn lên nhà L, tại nhà L sau khi L mua đồ về và đã ăn nhậu xong các bị cáo gồm T2, N, H đánh bài bằng hình thức xóc đĩa. Trong lúc chơi H vay của N 150.000.000 đồng sau đó N không cho vay nữa và nói muốn chơi nữa thì cầm xe ô tô, sau đó L gọi cho Nguyễn Hữu T4 đến và H cầm cố xe cho T4 là chủ tiệm cầm đồ 350.000.000 đồng, H trả N 150.000.000 đồng số tiền còn lại H đánh bị thua hết. Ngày 10/12/2015 gia đình bị cáo H mang 350 triệu đến lấy xe T4 thu thêm 1.400.000 đồng tiền lãi. Số tiền cầm cố xe T4 đưa cho L 285.000.000 đồng còn lại giữ 65.000.000 đồng (do tối hôm trước L đã đưa cho T4 300.000.000 đồng). Số tiền nêu trên L đưa hết cho N, N chia cho D, T2, T mỗi người 40.000.000 đồng, đưa L 50.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng trả nợ vay từ trước).

[2.1] Với hành vi của các bị cáo nêu trên, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T1, Đỗ Văn N, Trần Ngọc H và Nguyễn Hữu T4 về tội “Đánh bạc” là có căn cứ. T4 không tham gia đánh bạc nhưng sau khi L gọi đến bị cáo có hành vi giúp sức trong việc nhận cầm cố tài sản của H. Đối với 03 bị cáo L, T, D là những người không trực tiếp tham gia đánh bạc tại nhà L, do vậy cần xem xét cụ thể hành vi của từng bị cáo tại các thời điểm trước, trong và sau khi các bị cáo T2, N, H đánh bạc tại nhà bị cáo L. Xét thấy đối với bị cáo Nguyễn Tiến L là người có ý định ban đầu cùng với bị cáo N tìm người nào có tài sản là xe ô tô để đánh bạc ăn tiền, sau đó L đã nói với T ý định trên thì T tìm được Trần Ngọc H và T đã cùng với T2 và D thuê xe ô tô của H đến nhà L đánh bạc, trước đó bị cáo H không biết ý định của các bị cáo khác có ý định thuê xe của mình mục đích là để rủ đi đánh bạc, khi bị cáo H thua bạc thì chính bị cáo L gợi ý H cầm cố tài sản là xe ô tô và chính bị cáo L là người gọi điện cho T4 mang tiền đến nhận cầm cố xe ô tô của H. Sau khi người nhà bị cáo H mang tiền chuộc lại xe thì T4 đã đưa tiền cho bị cáo L 285.000.000 đồng, sau đó L đưa cho N và N chia tiền cho các bị cáo, trong đó L được 40.000.000 đồng từ vụ đánh bạc này. Như vậy hành vi của các bị cáo L, T, D phải cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điều 249 Bộ luật hình sự, trong đó L là người có vai trò chính, còn T và D là người giúp sức. Do đó án sơ thẩm xét xử các bị cáo L, T, D về tội “Đánh bạc” là chưa đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, khi so sánh giữa 02 tội thấy rằng tội “Tổ chức đánh bạc” có khung hình phạt cao hơn tội “Đánh bạc”, do vậy cần giữ nguyên tội danh như cấp sơ thẩm đã tuyên xử để đảm bảo sự ổn định của bản án, đồng thời xét thấy mức hình phạt như cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo L 02 năm 03 tháng tù, các bị cáo D 03 năm tù, bị cáo T 03 năm 06 tháng tù là phù hợp và thỏa đáng do vậy đơn kháng cáo của bị cáo L, bị cáo D và T không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy: trong vụ án này việc điều tra khởi tố các bị cáo xuất phát từ việc tự khai báo với cơ quan điều tra về hành vi vi phạm của mình và các đồng phạm khác của bị cáo Trần Ngọc H, do vậy bị cáo sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú là phù hợp, Hội đồng xét xử cần xem xét để áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, đồng thời trong vụ án này mặc dù bị cáo H bị xét xử về tội “Đánh bạc” là hoàn toàn đúng đắn, tuy nhiên bản chất nội dung sự việc và toàn bộ diễn biến của vụ án đã thể hiện bị cáo H như một nạn nhân của những hành vi cờ bạc trái pháp luật, bị cáo là người bị các bị cáo L, T, D lập “kịch bản” rủ rê đánh bạc, và gợi ý thế chấp tài sản để có tiền đánh bạc, sau khi thắng bạc các bị cáo L, T, D, N đã chia nhau tiền thắng bạc của H. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình (con nhỏ, vợ bị bệnh và nuôi bố mẹ già) có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy chỉ cần xét xử bị cáo một mức án như án sơ thẩm và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người biết tôn trọng pháp luật và cũng đúng với quy định tại điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng

thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao. Đơn kháng cáo của bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T4 trong vụ án này, mặc dù bị cáo có giấy phép hành nghề cầm đồ, tuy nhiên bị cáo có hành vi giúp sức trong việc tạo điều kiện cho H cầm cố tài sản để có tiền đánh bạc, sau đó bị cáo cũng được bị cáo N cho 15.000.000 đồng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm q điều 46 Bộ luật hình sự. Cụ thể ngày 23/11/2017 Phó trưởng công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có văn bản số 835/CV-MT về việc đề nghị xem xét về hình phạt cho bị cáo T4 vì bị cáo đã có việc làm tích cực, có công trong việc phát hiện, điều tra vụ án ma túy lớn xảy ra trên địa bàn thành phố B, hiện nay vụ án đang trong quá trình điều tra mở rộng. Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết giảm nhẹ mới để xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng. Vai trò đồng phạm của bị cáo T4 là thứ yếu, chỉ vì ham lợi mà sau khi bị cáo H thua bài L đã gọi cho T4 là người có giấy phép kinh doanh cầm đồ đến để nhận cầm cố xe của H, do vậy bị cáo có hành vi giúp sức cho các bị cáo thực hiện việc cầm cố tài sản để trả nợ và đánh bạc. Xét thấy, bị cáo đã được tòa án cấp sơ thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, nay bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người biết tôn trọng pháp luật và cũng phù hợp với Điều 60 Bộ luật hình sự cũng như quy định tại điểm b và b3 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2013/NQHĐTP ngày 06/11/3013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo. Do vậy, đơn kháng cáo của bị cáo được xem xét chấp nhận.

[3] Xét hành vi của 06 bị cáo là Đỗ Văn N, Nguyễn Văn T1, Trần Huy T2, Mai Nhữ Đ, Trần Mỹ T3 và Đoàn T5 liên quan đến số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo T5 đã cầm cố xe để đánh bạc sau đó bị thua hết. Hội đồng xét xử xét thấy: Đỗ Văn N có quen với Trần Huy T2 và đã nói với T2 tìm người có tiền và tài sản rủ đánh bạc ăn tiền, sau khi nghe N nói T2 đã rủ Mai Nhữ Đ cùng Tham Gia, sau đó Đ và T2 gọi điện cho Nguyễn Văn T1 và T2 đã tìm được Đoàn T5 là người gần nhà T2. Ngày 15/9/2015 T2 gọi điện cho Đoàn T5 thuê xe và được Đoàn T5 đồng ý. T2 cùng Đ và T5 đến xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì gặp T2 và Trần Mỹ T3. Sau khi nhậu xong thì cả bọn rủ nhau tìm chỗ đánh bạc. T3 đã dẫn cả bọn về nhà anh T6 là anh ruột T3 tại nhà anh T6 thì N, T2, T2, Đ, T5 và 02 cô gái lên lầu vào một phòng ngủ chơi đánh bài xì lát. Tại đây T5 thua hết tiền nên T3 gọi người đến cầm cố xe ô tô. T3 đã gọi Lê Công M là chủ tiệm cầm đồ đến và nhận cầm cố xe của T5 250.000.000 đồng. Số tiền nêu trên T5 đã trả cho N 200.000.000 đồng còn lại T5, T2, N tiếp tục chơi cho đến khi T5 thua hết. Sau khi thắng bạc N đã chia cho T2, T2, Đ mỗi người 20.000.000 đồng, T3 10.000.000 đồng, T3 gọi M đến và được N cho 5.000.000 đồng, số tiền còn lại N cầm hết. Với hành vi của các bị cáo như trên án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đoàn T5, Trần Huy T2, Mai Nhữ Đ và Đỗ Văn N về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, bị cáo N và T2 thuộc

trường hợp phạm tội nhiều lần. Đối với Trần Mỹ T3 không trực tiếp tham gia đánh bạc tại nhà anh T6 thế nhưng bị cáo là người biết được các bị cáo N, Đ và T2 có ý định lôi kéo Đoàn T5 đánh bạc do vậy sau khi ăn nhậu xong T3 đã dẫn tất cả về nhà anh trai mình là anh T6 để đánh bạc tại phòng ngủ trên lầu, sau khi T5 thua bạc thì chính bị cáo là người điện thoại cho chủ tiệm cầm đồ đến để cầm xe của T5 để lấy tiền đánh bạc, sau khi bị cáo N thắng bài bị cáo cũng được N cho 20.000.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo; tuy nhiên tương tự như bị cáo Nguyễn Tiến L như đã nêu tại mục [2.1], Hội đồng xét thấy mức án như án sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án 02 năm 09 tháng tù là phù hợp, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[3.1] Xét đơn kháng cáo của cá bị cáo Đỗ Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội đánh bạc là thỏa đáng, không nặng; trong 02 lần phạm tội nêu trên bị cáo N có vai trò tích cực trong việc đánh bạc, chính bị cáo là người chia tiền thắng bạc trong cả 02 lần cho các bị cáo khác. Xét đơn kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, xét thấy: bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuy nhiên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, cấp sơ thẩm xử phạt mức án 04 năm 06 tháng tù là phù hợp, trong vụ án này bị cáo cũng có vai trò chính khi tham gia đánh bạc, cũng là người có hành vi rủ rê, bàn bạc với T và D tìm người có tài sản để đánh bạc ăn tiền. Xét đơn kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét kháng cáo của Mai Nhữ Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: trong vụ án này Mai Nhữ Đ là người được N và T2 rủ đi đánh bạc, bản thân bị cáo có tham gia đánh bạc tại nhà anh T6 sau khi Đoàn T5 thua hết tiền rồi cầm cổ xe để đánh tiếp thì bị cáo không đánh nữa. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo vắng mặt và không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để được xem xét, do vậy không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[3.4] Xét đơn kháng cáo của Trần Huy T2, xét thấy: trong vụ đánh bạc tại nhà anh T6, T2 là người chủ động rủ Mai Nhữ Đ và cũng là người liên hệ với T2 để tìm người đánh bạc, chính bị cáo cũng tham gia đánh bạc tại nhà anh T6 cùng với các bị cáo khác, án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 9 tháng tù là thỏa đáng, bị cáo bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đề nghị xử hủy án sơ thẩm để truy tố bị cáo thêm về tội “Tổ chức đánh” với vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Tiến L và Đỗ Văn N, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị, vì cho rằng hành vi của bị cáo đã thu hút để xét xử về tội “Đánh bạc”. Tại cấp

phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới được xem xét, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn T5, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo là người bị các bị cáo khác rủ rê đánh bạc nhằm mục đích lấy tiền của bị cáo, trên thực tế thì bị cáo bị thua hết và phải cầm cố xe, bị cáo có hành vi đánh bạc do vậy bị cáo bị xử phạt về tội “Đánh bạc” là có căn cứ. Tuy nhiên cũng giống như bị cáo Trần Ngọc H, qua toàn bộ diễn biến của quá trình phạm tội và lời khai nhận của các bị cáo cũng thể hiện bị cáo T5 như là một nạn nhân của những hành vi cờ bạc bị pháp luật nghiêm cấm, bị cáo bị các bị cáo khác thực hiện việc rủ rê bị cáo đánh bạc mục đích đánh bạc thua và cầm cố xe lấy tiền trả nợ và đánh bạc. Sau khi thắng bạc của T5 thì bị cáo N cùng đồng phạm khác chia tiền nhau. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bác ruột bị cáo là người có công với cách mạng, tính chất vai trò của bị cáo chỉ là người bị rủ rê như đã nhận định nêu trên nên chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án như án sơ thẩm và có thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo làm người biết tôn trọng pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo được hội đồng xem xét chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng: Trong tổng số 11 bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” và đều bị xét xử ở mức án giam, các bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá chứng cứ mới cũng như tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án theo tinh thần quy định tại khoản 1 điểm e Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, để không chấp nhận đơn kháng cáo của 08 bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho hưởng án treo 03 bị cáo là phù hợp với diễn biến và bản chất nội dung vụ án, và đúng với quy định của pháp luật.

[5] Án phí: Các bị cáo Nguyễn Tiến L, Đỗ Văn N, Vũ Xuân T, Trần Huy T2, Trần Mỹ T3, Mai Nhữ Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248, Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 42/QĐ-HS-VC2 ngày 27/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Trần Ngọc H, Đoàn T5 và Nguyễn Hữu T4.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo: Đoàn T5, Nguyễn Hữu T4, Trần Ngọc H.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu D, Mai Nhữ Đ, Trần Huy T2, Vũ Xuân T, Đỗ Văn N, Trần Mỹ T3, Nguyễn Tiến L.

Giữ nguyên án sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu D, Mai Nhữ Đ, Trần Huy T2, Vũ Xuân T, Đỗ Văn N, Trần Mỹ T3, Nguyễn Tiến L.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ”. Các bị cáo Nguyễn Tiến L, Đỗ Văn N, Vũ Xuân T, Trần Huy T2, Mai Nhữ Đ, Nguyễn Văn T1, Trần Mỹ T3, Đoàn T5, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T4, Trần Ngọc H phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2016 đến ngày 24/01/2017.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2016 đến ngày 16/3/2017.

1.3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 28/7/2016 đến ngày 24/01/2017.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2016 đến ngày 25/8/2017.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Mỹ T3 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 09/3/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Nhữ Đ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Huy T2 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/01/2017.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, o khoản 1, Điều 46 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn T5 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ea T2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, q khoản 1 Điều 46, Điều 47 Điều 60 Bộ luật Hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T4 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 42 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T2 An, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 236; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất phóng xạ”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 20/7/2016 đến ngày 16/3/2017.

2. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo: Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu D, Mai Như Đ, Trần Huy T2, Vũ Xuân T, Đồng Văn N, Trần Mỹ T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành